BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1542 /QĐ-LĐTBXH	*Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc: Phê duyệt nội dung điều chỉnh, bổ sung "Đề án thí điểm đào tạo nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu"

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 33/2006/QĐ-TTg ngày 7/2/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án dạy nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ- LĐTBXH ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt "Đề án thí điểm đào tạo nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu";

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-LĐTBXH ngày 11/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt đơn giá đặt hàng đào tạo nghề hàn trình độ 3G/6G thuộc Đề án thí điểm đào tạo nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-LĐTBXH ngày 07/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2009;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của "Đề án thí điểm đào tạo nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu" *(đã được phê duyệt tại Quyết định số 951/QĐ-LĐTBXH ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)* như sau:

1. Điểm 1 mục II: Nghề đào tạo: Bổ sung thêm nghề thực hiện thí điểm:

e, Thợ xây, trát, láng trong xây dựng;

f, Thợ gia công lắp đặt cốt thép trong xây dựng;

g, Thợ gia công, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo trong xây dựng ;

h, Thợ lắp đặt điện sinh hoạt trong xây dựng;

i, Đốc công trong ngành xây dựng.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

2. Điểm 4, mục II: Đối tượng nhận đặt hàng, đấu thầu: Bổ sung thêm đối tượng nhận đặt hàng, đấu thầu là doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tham gia Đề án thí điểm đào tạo nghề cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài và điều kiện để ký kết hợp đồng như sau:

a. Tiêu chí:

- Doanh nghiệp có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp có hợp đồng hoặc thoả thuận hợp đồng xuất khẩu lao động với các nghề thuộc Đề án tại thời điểm thực hiện hỗ trợ.

- Ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp có hợp đồng thường xuyên với các thị trường lao động ngoài nước có thu nhập cao, điều kiện lao động tốt.

- Ưu tiên doanh nghiệp có cơ sở dạy nghề thực thuộc.

b. Điều kiện để ký hợp đồng đặt hàng:

- Có kế hoạch đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các nghề thuộc Đề án thí điểm đã được Cục Quản lý lao động ngoài nước chấp thuận.

- Có hợp đồng đặt hàng đào tạo các nghề thuộc Đề án ký với cơ sở dạy nghề đủ năng lực theo quy định (đối với những nghề doanh nghiệp không tự đào tạo hoặc doanh nghiệp không có cơ sở dạy nghề trực thuộc).

- Đã tuyển chọn được người lao động để tổ chức đào tạo nghề.

- Có văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí từ Ngân sách Nhà nước theo Đề án để đào tạo nghề cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài (kèm theo danh sách lao động đề nghị hỗ trợ).

3. Điểm 2 mục III: Dự toán kinh phí, sửa đổi như sau:

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 16.147.000.000 đồng (Mười sáu tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), trong đó:

2.1. Kinh phí cấp từ NSNN để thực hiện đề án giai đoạn 2008-2010: 11.331 triệu đồng, trong đó:

Năm 2008: 1.231 triệu đồng (trong đó Chi quản lý, giám sát: 20 triệu đồng)

Năm 2009: 5.000 triệu đồng

Năm 2010: 5.100 triệu đồng (trong đó Chi quản lý, giám sát: 100 triệu đồng)

2.2. Đóng góp của người học và doanh nghiệp XKLĐ: 4.816 triệu đồng (áp dụng mức thu học phí theo hình thức đào tạo không chính quy, mức thu bình quân 300.000đ/tháng/học sinh), trong đó:

Năm 2008: 519 triệu đồng

Năm 2009: 2.143 triệu đồng

Năm 2010: 2.154 triệu đồng

4. Tại gạch đầu dòng thứ 3 mục VI: Hiệu quả của Đề án sửa đổi như sau: Đào tạo nghề cho khoảng 4.400 lao động đủ điều kiện đi làm việc tại nước ngoài

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

và đưa ít nhất 70% số lao động đã được đào tạo đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 1 năm sau khi kết thúc khóa học.

5. Dự toán kinh phí thực hiện Đề án: Điều chỉnh, bổ sung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cục Quản lý lao động ngoài nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai kế hoạch và phê duyệt dự toán chi tiết để tổ chức thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định 951/QĐ-LĐTBXH ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các nội dung điều chỉnh tại Quyết định này đảm bảo hiệu quả, đúng chế độ, định mức; quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành; tổng hợp báo cáo Bộ tình hình và kết quả thực hiện.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này và nội dung không điều chỉnh tại Quyết định 951/QĐ-LĐTBXH ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VP, KHTC.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Thanh Hòa

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

DỰ TOÁN KINH PHÍ

THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO CƠ CHẾ ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-LĐTBXH ngày 19 tháng 11 năm 2009)

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG SỐ	1. Chi đặt hàng đào tạo nghề														2. Chi quản lý, giám sát
			Hàn		Điều dưỡng viên		Phục vụ khách sạn, nhà hàng*		Xây dựng						Đốc công		
			3G (từ đầu)	6G (từ 3G)	Nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Xây, trát, lăng	Gia công lắp đặt cốt thép	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ	Đường ống cấp, thoát nước	Điện sinh hoạt	Ốp, lát	Bổ túc nghề	Ngoại ngữ	
TỔNG CỘNG																	
Tổng số học sinh	**Học sinh**	**4.400**	**764**	**158**	**70**	**70**	**50**	**50**	**610**	**657**	**650**	**480**	**450**	**450**	**61**	**61**	**-**
Tổng chi phí	**Tr.đồng**	**16.147**	**3.820**	**932**	**455**	**186**	**131**	**133**	**1.450**	**1.312**	**1.237**	**2.573**	**994**	**2.520**	**121**	**163**	**120**
Trong đó: -Ngân sách cấp	***Tr.đồng***	***11.331***	***2.674***	***653***	***318***	***129***	***91***	***93***	***1.015***	***918***	***865***	***1.801***	***696***	***1.764***	***80***	***114***	***120***
- Đóng góp	***Tr.đồng***	***4.816***	***1.146***	***279***	***137***	***57***	***40***	***40***	***435***	***394***	***372***	***772***	***298***	***756***	***41***	***49***	***-***
Năm 2008																	
Số học sinh	**Học sinh**	**332**	**254**	**78**													
Chi phí	**Tr.đồng**	**1.750**	**1.270**	**460**													**20**
Trong đó: - Ngân sách cấp	Tr.đồng	1.231	889	322													20
- Đóng góp	Tr.đồng	519	381	138													
Năm 2009																	
Số học sinh	**Học sinh**	**2.093**	**210**	**30**	**20**	**20**			**310**	**357**	**350**	**280**	**250**	**250**	**36**	**36**	
Chi phí	**Tr.đồng**	**7.143**	**1.050**	**177**	**130**	**53**			**737**	**713**	**666**	**1.501**	**552**	**1.400**	**68**	**96**	
Trong đó: - Ngân sách cấp	Tr.đồng	5.000	735	124	91	37			516	499	466	1.051	387	980	47	67	
- Đóng góp	Tr.đồng	2.143	315	53	39	16	-	-	221	214	200	450	165	420	21	29	-
Năm 2010																	
Số học sinh	**Học sinh**	**1.975**	**300**	**50**	**50**	**50**	**50**	**50**	**300**	**300**	**300**	**200**	**200**	**200**	**25**	**25**	
Chi phí	**Tr.đồng**	**7.254**	**1.500**	**295**	**325**	**133**	**131**	**133**	**713**	**599**	**571**	**1.072**	**442**	**1.120**	**53**	**67**	**100**
Trong đó: - Ngân sách cấp	Tr.đồng	5.100	1.050	207	227	92	91	93	499	419	399	750	309	784	33	47	100
- Đóng góp	Tr.đồng	2.154	450	88	98	41	40	40	214	180	172	322	133	336	20	20	-